

Bản án số: 184 /2022/DS-PT
Ngày: 27- 9- 2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thám

Các Thẩm phán:

- Ông Lưu Hữu Giàu;

- Bà Ngô Ngọc Phi.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:***
Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện AP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 160/2022/QĐ- PT ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 266/2022/QĐ-PT ngày 12/9/2022, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Lâm Thanh N, sinh năm 1966; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 205, đường Trưng Nữ V, phường CP B, thành phố CD, tỉnh An Giang.

2. ***Bị đơn:***

2.1. Bà Lê Thị Huyền T (Huỳnh N4), sinh năm 1997; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp HB I, xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang.

2.2. Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1995. (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp PH, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

3. *Người kháng cáo*: Bà Lê Thị Huyền T (Huỳnh N4) là bị đơn trong vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thanh N, bị đơn Ông Nguyễn Thành Đ không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện AP không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án, bà N trình bày:

Bà và cha mẹ của bà T là bạn thân. Thông qua sự quen biết nên vào ngày 07/10/2020 có cho bà T (Huỳnh N4) và ông Đ vay 400.000.000 đồng; lần thứ hai vào ngày 15/10/2020 cho bà T và ông Đ vay thêm 200.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 3%/100.000.000 đồng/tháng. Khi vay có làm biên nhận và bà T là người kí tên biên nhận nợ, không có thể chấp tài sản bảo đảm. Quá trình vay, bà T và ông Đ có trả vốn lãi được Nhiều lần và đến ngày 07/9/2021, sau khi các bên tính toán lại thì bà T, ông Đ còn nợ lại 370.000.000 đồng tiền vốn và thỏa thuận lại lãi suất hàng tháng là 2%, bà T, ông Đ hứa trả hàng tháng 5.000.000 đồng nhưng chỉ nói miệng chứ không làm biên nhận. Tuy nhiên sau khi thỏa thuận cách thanh toán số nợ thì phía bà T không thực hiện mà Nhiều lần bà N gọi điện nhắc nhở thì chửi bới, xúc phạm bà N. Nay bà N yêu cầu ông Đ và bà T liên đới trả 370.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi theo mức lãi suất quy định là 1,66%/tháng trên số vốn từ 07/9/2021 đến khi xét xử.

Bị đơn bà T có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà N, nội dung: Ba mẹ bà T và bà N là bạn thân, do có mối quan hệ này mà bà N Nhiều lần tiếp cận trao đổi riêng với bà về việc cho vay tiền để làm ăn. Khoảng tháng 9/2020 bà N biết vợ chồng N2 (T3) – N3 là dòng họ của bà T đang bán trứng tại chợ phường CP B, thành phố CD cần vốn kinh doanh nên đã cùng bà T đến gặp gỡ vợ chồng T3 - N3 để bàn việc cho vay tiền. Khi vay tiền thì vợ chồng T3 - N3 là người nhận tiền, bà T chỉ chứng kiến và bà N có kêu bà T ghi vài chữ và ký tên nhưng bà T khẳng định không phải là biên nhận nợ. Đến tháng 5/2021 thì vợ chồng T3 - N3 trả được 30.000.000 đồng vốn cho bà N, còn nợ lại 370.000.000 đồng, sau đó bỏ địa phương đi đâu không rõ. Nay xác định không có vay tiền của bà N, không đồng ý trả nợ.

Ông Đ có văn bản trình bày: Việc bà N cho vợ ông là bà T, vợ chồng T3 - N3 vay tiền ông hoàn toàn không biết, không có liên quan.

Tại phiên tòa, bà N trình bày: Bà xác định ông Đ họ tên chính xác là Nguyễn Thành Đ, không phải Lê Thành Được như trong đơn khởi kiện. Lý do ghi sai họ vì không biết rõ, nay đính chính lại. Bà cũng xác định rút lại việc khởi kiện ông Đ mà chỉ kiện bà T (Huỳnh N4). Về lãi suất yêu cầu tính lãi theo quy

định pháp luật đối với hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi, không yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1,66%/tháng như đã khởi kiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang, Quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thanh N.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Thành Đ liên đới trả nợ.

Buộc bà Lê Thị Huyền T (Huỳnh N4) có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền gồm: Tiền vốn gốc: 370.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày xét xử: 28.867.400 đồng. Tổng cộng là 398.867.400 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên chậm thực hiện nghĩa vụ phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, về án phí, và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Lê Thị Huyền T (Huỳnh N4) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không tính lãi và xin trả nợ dài hạn.

- Bà Lâm Thanh N vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện N3êm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Huyền T (Huỳnh N4). Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức đơn kháng cáo: Bà Lê Thị Huyền T (Huỳnh N4) nộp đơn kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định và có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự. Bà Lê Thị Huyền T (Huỳnh N4) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn lại bà Lâm Thanh N và anh Nguyễn Thành Đ vắng mặt không lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của bà N và anh Đ không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Bà T kháng cáo cho rằng bà là người đứng ra mượn tiền dùm, còn người nhận tiền là vợ chồng T3 – N3, còn người ký biên nhận nhận tiền là bà T.

Xét Hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập thành văn bản, không ấn định thời gian thanh toán, xác lập trên nguyên tắc tự nguyện, phù hợp pháp luật, được bà T thừa nhận là có viết và ký tên. Tuy nhiên, bà T không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà N vì cho rằng mình không vay tiền của bà N mà chỉ giới thiệu cho bà N4, ông N2 (T3) đến gặp bà N vay tiền, bà chỉ là người chứng kiến.

Nếu đây là khoản nợ riêng của ông T3, bà N4 với bà N thì không có lý do gì bà T vốn là người không vay tiền lại đứng ra viết biên nhận nợ thay cho bà N4 - ông T3, đồng thời nội dung 2 biên nhận cũng không thể hiện việc bà T là người chứng kiến việc vay tiền.

Ngoài lời khai bà T không cung cấp được chứng cứ nào khác thể hiện việc bà N4, ông N2 (T3) vay tiền của bà N. Đồng thời cấp sơ thẩm cũng đã triệu tập bà N4 theo địa chỉ mà bà T cung cấp để xác định về việc có hay không vay tiền của bà N nhưng không triệu tập được.

Vì vậy cấp sơ thẩm xác định bà T là người vay tiền của bà N và buộc bà T có nghĩa vụ trả nợ cho bà N số tiền vốn là 370.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày xét xử: 28.867.400 đồng. Tổng cộng là 398.867.400 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

Trong quá trình kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà T không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh là bà N4, ông N2 (T3) vay tiền của bà N và cũng không cung cấp được địa chỉ chính xác của bà N4, ông N2 (T3) hiện đang ở đâu. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T.

[3]. Như vậy, từ những căn cứ trên. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà T, Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 60/2022/DS-ST ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện AP.

[4]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không Đ chấp nhận nên bà T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[5]. Các phần quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Huyền T (Huỳnh N4). Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 202, 228, 244, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thanh N.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Thành Đ liên đới trả nợ.

Buộc bà Lê Thị Huyền T (Huỳnh N4) có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền gồm: Tiền vốn gốc: 370.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày xét xử: 28.867.400 đồng. Tổng cộng là 398.867.400đ (Ba trăm chín mươi tám triệu tám trăm sáu bảy nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.943.000 đồng. Hoàn lại tạm ứng án phí cho bà N 9.633.000 đồng theo biên lai thu số 006639 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007039 ngày 24/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện AP;
- Chi cục THADS huyện AP;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thám